

Quyền quyết định hôn nhân trong xã hội nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào kết quả khảo sát của Đề tài cấp cơ sở “Lựa chọn bạn đời ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2017 tại Thái Bình, bài viết phân tích vai trò cá nhân, gia đình trong việc tìm hiểu bạn đời và quyết định kết hôn cũng như một số yếu tố tác động. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong xã hội nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1970 con cái đang dần nắm quyền quyết định trong việc gặp gỡ, tìm hiểu bạn đời và quyết định kết hôn. Tuy nhiên, trong thời kỳ này gia đình vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hôn nhân của con cái, quyền lực chi phối của cha mẹ lên hôn nhân của con cái đã giảm bớt và không còn mang tính áp đặt như trước.

Từ khóa: Hôn nhân-Gia đình; Lựa chọn bạn đời; Hình thức tìm hiểu bạn đời; Quyết định kết hôn; Nông thôn miền Bắc.

Ngày nhận bài: 17/11/2017; ngày chỉnh sửa: 10/1/2018; ngày duyệt đăng: 8/2/2018.

1. Giới thiệu

Hôn nhân là một chủ đề quan trọng trong nghiên cứu gia đình. Đây là một chủ đề rộng lớn nghiên cứu về quá trình kết hôn bao gồm những vấn đề như tuổi kết hôn, phạm vi kết hôn, tìm hiểu trước khi kết hôn, tiêu

28 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 28, số 1, tr. 27-34

chuẩn lựa chọn hôn nhân, mô hình quyết định hôn nhân... Nếu trong xã hội truyền thống, hôn nhân nổi lên với hình thức cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, hôn nhân không phải câu chuyện tình cảm giữa hai cá nhân mà như một “khế ước” giữa hai gia đình, thì đến xã hội hiện đại, nam nữ có quyền tự do tìm hiểu bạn đời, lựa chọn bạn đời và quyết định cuộc hôn nhân của mình. Giai đoạn 1960-1975 là một giai đoạn có sự pha trộn giữa những đặc điểm hôn nhân truyền thống và tiếp nhận thêm những yếu tố mới. Gia đình vẫn có vị trí quan trọng nhưng yếu tố cá nhân đang dần nổi lên trong việc tự do tìm hiểu, gặp gỡ bạn đời và quyết định hôn nhân.

Sử dụng số liệu của Đề tài cơ sở “Lựa chọn bạn đời ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiến hành vào năm 2017 tại tỉnh Thái Bình với số lượng mẫu là 400 cá nhân kết hôn giai đoạn 1960-1975, bài viết phân tích vai trò cá nhân, gia đình trong quyền quyết định việc tìm hiểu trước hôn nhân và trong kết hôn ở xã hội nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975 và một số yếu tố tác động.

2. Quyền quyết định của các cặp đôi trong việc tìm hiểu trước hôn nhân

Ở xã hội Việt Nam truyền thống, hôn nhân mang một tầm hệ trọng đặc biệt. Sự kiện này không chỉ đơn giản là sự tác hợp giữa hai cá nhân, mà còn là câu chuyện giữa hai gia đình, hai dòng họ. Vào thời kì phong kiến, luật pháp thậm chí thừa nhận và ủng hộ sự can thiệp của cha mẹ vào hôn nhân của con cái, ví dụ như Luật Hồng Đức ở thế kỷ 15, Luật Gia Long ở thế kỷ 19, cho đến các bộ luật Dân Sự thời kỳ Pháp thuộc trước năm 1945. Theo bộ Luật Gia Long, cuộc hôn nhân của đôi nam nữ là một khế ước hợp pháp giữa người chủ gia đình nhà trai và chủ gia đình nhà gái. Những người chủ của hai gia đình có trách nhiệm ký vào khế ước này và chữ ký của đôi nam nữ là không giá trị (Vũ Văn Mẫu, 1962, dẫn theo Nguyễn Hữu Minh, 1999). Tuy nhiên đến giai đoạn 1960-1975, các phong trào vận động xã hội đấu tranh cho quyền tự do lựa chọn bạn đời và quyền bình đẳng nam nữ cùng những biến đổi kinh tế chính trị, xã hội sau Cách mạng Tháng 8 đã làm rung chuyển các chuẩn mực hôn nhân truyền thống (Nguyễn Hữu Minh, 1999). Vào những năm 1960, Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ban hành ngày 29 tháng 12 năm 1959) đã quy định là mỗi cá nhân đều có toàn quyền lựa chọn và quyết định việc hôn nhân của mình. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đây chính là rào cản khiến các bậc cha mẹ dù muốn cũng không dám can thiệp thô bạo vào chuyện hôn nhân của con (Ngô Thị Thanh Quý, 2014). Vì vậy, trong giai đoạn này, một đặc điểm nổi trội đó là tính cá nhân đang vươn lên trong việc lựa chọn bạn đời và hôn nhân.

Nếu như vào giai đoạn trước những năm 1954, cha mẹ đóng vai trò chủ chốt trong việc thu xếp hôn nhân của con cái và thường thì không có chuyện trai gái tự do tìm hiểu thì trong giai đoạn 1960-1975, tỉ lệ nam nữ quen nhau qua sắp xếp chỉ ở mức 39% và tỉ lệ tự tìm hiểu cao hơn gấp đôi là 61%. Và tỉ lệ này hoàn toàn không chịu tác động bởi yếu tố giới, hoàn cảnh gia đình, thứ tự sinh của người trả lời. Có nghĩa là, dù là nam hay nữ, thanh niên thời bấy giờ đều không gặp phải rào cản giới khi có nhu cầu tìm hiểu, làm quen với bạn đời. Cũng không vì gia đình khó khăn hay khá giả mà e ngại.

Tuy nhiên, số liệu điều tra ghi nhận sự khác biệt dựa trên nhóm tôn giáo và lớp thế hệ kết hôn. Trong phạm vi đề tài, biến số tôn giáo được chuyển thành biến nhị phân với hai giá trị: có tôn giáo (bao gồm đạo phật, thiền chúa, tin lành...) và không tôn giáo để nhằm tạo thuận lợi cho quá trình phân tích. Theo đó, tỉ lệ người trả lời (NTL) theo tôn giáo gặp vợ/chồng thông qua sắp xếp, giới thiệu cao hơn nhóm không theo tôn giáo (50% so với 36,4%) ($p<0,05$) (Bảng 1). Phải chăng khi không nằm trong một cộng

Bảng 1. Tương quan giữa năm kết hôn của người trả lời với hình thức tìm hiểu trước khi cưới (%)

| Hình thức tìm hiểu | Tôn giáo người trả lời** | | Chung |
|---------------------------|---------------------------------|----------------------|--------------|
| | Không theo tôn giáo | Theo tôn giáo | |
| Qua sắp xếp giới thiệu | 36,4 | 50,0 | 39 (156) |
| Tự làm quen | 63,6 | 50,0 | 61 (244) |
| Tổng | 100 | 100 | 100 |
| | (324) | (76) | 400 |

Mức ý nghĩa thống kê: * $p<0,1$ ** $p<0,05$ *** $p<0,001$

Bảng 2. Tương quan giữa năm kết hôn của người trả lời với

| Hình thức tìm hiểu | Lớp thế hệ kết hôn*** | | | Chung |
|---------------------------|------------------------------|------------------|------------------|--------------|
| | 1960-1964 | 1965-1969 | 1970-1975 | |
| Tự tìm hiểu | 61,8 | 47,1 | 30,1 | 39 (156) |
| Qua giới thiệu | 38,2 | 52,9 | 69,9 | 61 (244) |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |
| | 76 | 68 | 256 | 400 |

Mức ý nghĩa thống kê: * $p<0,1$ ** $p<0,05$ *** $p<0,001$

30 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 28, số 1, tr. 27-34

đồng tôn giáo nào, nam nữ thanh niên được tự do tìm hiểu và lựa chọn bạn đời hơn?

Bên cạnh đó, dựa trên đoàn hệ hôn nhân, có thể thấy, càng về giai đoạn trước, tỉ lệ tự tìm hiểu càng cao. Cụ thể, nhóm kết hôn năm 1960-1964, tỉ lệ tự tìm hiểu là 61,8%, tỉ lệ kết hôn qua giới thiệu là 38,2% thì đến giai đoạn 1970-1975, tỉ lệ giới thiệu lên tới gần 70% (Bảng 2). Điều này có phần nào đi ngược lại với suy nghĩ rằng càng về trước, nam nữ thanh niên nông thôn càng thụ động trong làm quen và gặp nhiều rào cản hơn trong việc tìm hiểu, làm quen trước hôn nhân. Ngược lại, tại địa bàn điều tra, có thể thấy sự thụ động này lại có sự tăng lên theo thời gian. Phải chăng vì những người kết hôn những năm 1970-1975 (tức sinh vào những năm 1950) là những người phải chịu ảnh hưởng của chiến tranh, khi mà rất nhiều nam nữ thanh niên phải đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hoặc thoát ly, điều đó khiến họ khó tìm kiếm bạn đời trong phạm vi quen biết.

Quay lại với con số 39% người trả lời quen biết vợ/chồng qua giới thiệu, sắp xếp, có thể coi con số này là dư âm của tính chất hôn nhân truyền thống còn đọng lại ở xã hội nông thôn miền Bắc thời bấy giờ. Số liệu điều tra cho thấy, trong số các cuộc sắp xếp, giới thiệu thì gần 70% cuộc gặp gỡ do giới thiệu là thông qua cha mẹ, gia đình của đối tượng. Trong khi vai trò của gia đình vẫn không thể bị phủ nhận trong quá trình kết duyên đôi lứa, thì vai trò của người làm mối đang dần trở nên mờ nhạt so với xã hội truyền thống. Nếu trong xã hội cũ, người làm mối có vai trò vô cùng quan trọng trong quan hệ ban đầu của đôi lứa (Nguyễn Đức Chiến, 2008), thì vào giai đoạn này, chỉ còn 12,2% các cặp vợ chồng quen nhau qua người mai mối.

3. Quyền quyết định của các cặp đôi trong quyết định hôn nhân

Trong khía cạnh quyền quyết định hôn nhân, số liệu điều tra cũng cho thấy bức tranh hôn nhân ghi nhận sự chuyển biến mạnh mẽ từ mô hình hôn nhân truyền thống với đặc điểm hôn nhân do gia đình dàn xếp sang mô hình hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện với đặc điểm con cái quyết định chính với sự đồng ý của cha mẹ.

Nhằm tìm hiểu quyền quyết định trong hôn nhân, nghiên cứu đã đưa ra câu hỏi về người quyết định cuộc hôn nhân với bốn phương án chính: “bố mẹ quyết định hoàn toàn”, “bố mẹ quyết định có hỏi sự đồng ý của tôi”, “chúng tôi quyết định hoàn toàn có sự đồng ý của bố mẹ”, “chúng tôi hoàn toàn tự quyết định”. Số liệu điều tra cho thấy, chỉ còn 6% cuộc hôn nhân được sắp xếp hoàn toàn bởi bố mẹ. Con số này như là một chút tàn dư của xã hội truyền thống, nơi mà bàn tay bố mẹ sẽ nhào nặn nên cuộc hôn nhân

cho con cái. Và cũng có một số trường hợp, mô hình này diễn ra trong những gia đình có con trai đi bộ đội. Ở hoàn cảnh này, gia đình thường chủ động tìm hiểu đối tượng và tranh thủ cưới vợ cho con trai trong thời gian nghỉ phép.

Ngoài ra, tỉ lệ bố mẹ quyết định nhưng có hỏi ý kiến con cái cao hơn gấp đôi tỉ lệ bố mẹ quyết định hoàn toàn, (14,7% so với 6%). Khi xem xét đến thái độ của các đối tượng được cha mẹ sắp xếp hôn nhân thì có hơn 50% đồng thuận với cuộc hôn nhân này vì tập quán phải nghe lời bố mẹ trong chuyện hôn nhân. Con số này tuy không chiếm phần chủ đạo, nhưng cũng đã thể hiện được phần nào những tư tưởng truyền thống vẫn còn chi phối một nhóm thanh niên thời bấy giờ.

Tuy nhiên, vẫn cần phải khẳng định tiếng nói con cái trong chuyện hôn nhân đang trở nên có sức mạnh hơn. 74,6% người trả lời cho biết cuộc hôn nhân của mình là do bản thân quyết định nhưng vẫn có sự đồng ý của cha mẹ. Điều này cho thấy, trong xã hội nông thôn miền Bắc thời kỳ 1960-1975, cụ thể là ở địa bàn điều tra, vai trò của con cái trong quyết định hôn nhân đang trở nên mạnh mẽ hơn, tuy nhiên, chuẩn mực truyền thống coi hôn nhân là chuyện đại sự của cả gia đình vẫn khẳng định vị trí quan trọng của cha mẹ trong tiến trình này. Con số 4,5% NTL tự quyết hoàn toàn cũng là một minh chứng khẳng định vai trò quan trọng của gia đình trong chuyện hôn nhân giai đoạn này.

Số liệu điều tra cho thấy quyền quyết định hôn nhân ghi nhận sự khác biệt giữa nhóm tôn giáo, giới tính, học vấn và đoàn hệ hôn nhân. Để thuận lợi cho quá trình phân tích, đề tài nhóm biến số “Người quyết định hôn nhân” nhận hai giá trị: Bố mẹ quyết định là chính (bao gồm bố mẹ quyết định hoàn toàn và bố mẹ quyết định nhưng hỏi sự đồng ý của người trả lời) và người trả lời quyết định là chính (bao gồm người trả lời quyết định có sự đồng ý của bố mẹ và người trả lời hoàn toàn tự quyết định). Kết quả cho thấy một số phát hiện sau:

Trước hết, quyền quyết định hôn nhân ghi nhận sự khác biệt về giới. Tỉ lệ nữ giới có cuộc hôn nhân do bố mẹ quyết định là chính cao hơn ở nam giới (25,2% so với 16,2%) ($p<0,05$) (Bảng 3). Điều này cũng cho thấy rằng, nam thanh niên dường như có sự chủ động cao hơn, mạnh mẽ hơn, còn con gái vẫn phần nào phải nương theo sự sắp xếp của cha mẹ.

Bên cạnh đó, học vấn cũng là một yếu tố có liên hệ với quyền quyết định trong hôn nhân. Nam nữ thanh niên có học vấn cao thì có quyền quyết định mạnh mẽ hơn so với nhóm đối tượng học vấn thấp. Nếu tỉ lệ bố mẹ quyết định là chính ở nhóm thanh niên có học vấn từ lớp 4 trở

32 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 28, số 1, tr. 27-34

Bảng 3. Quyền quyết định hôn nhân phân theo giới tính người trả lời (%)

| Người quyết định kết hôn | Giới tính người trả lời** | | Chung |
|-----------------------------|---------------------------|------|---------------|
| | Nam | Nữ | |
| Bố mẹ quyết định là chính | 16,2 | 25,2 | 20,8 (83) |
| Con cái quyết định là chính | 83,8 | 74,8 | (79,2) 317 |
| Tổng | 100 | 100 | 100 |
| | 198 | 202 | 400 |

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1 ** p< 0,05 *** p<0,001

xuống là 34,5% thì con số này ở nhóm học trên lớp 7 chỉ còn 7,3%. Tương tự như vậy, tỉ lệ con cái quyết định là chính ở nhóm trên lớp 7 đều cao hơn nhóm từ lớp 5 - lớp 7 và cao hơn nhóm dưới lớp 4 (Bảng 4). Đây chính là một bằng chứng khẳng định vai trò của yếu tố hiện đại hóa ảnh hưởng tới quyền quyết định hôn nhân của thanh niên.

Xét theo khía cạnh nghề nghiệp, có sự khác biệt giữa nhóm nông nghiệp và phi nông nghiệp trong quyền quyết định tới hôn nhân. Nhóm phi nông nghiệp ở đây được xây dựng gộp trên bốn nhóm nghề, đó là: cán bộ/giáo viên/nhân viên y tế địa phương, bộ đội/công an, tiểu thủ công nghiệp và buôn bán/dịch vụ. Nhóm làm nông nghiệp có tỉ lệ hôn nhân do cha mẹ quyết định là chính cao hơn nhóm phi nông nghiệp (24,3% so với 11,6%) (Bảng 5). Phải chăng, truyền thống cha mẹ sắp xếp hôn nhân cho con cái trong các gia đình làm nông nghiệp vẫn nặng nề hơn, các công việc phi nông sẽ tạo điều kiện mở hơn trong việc tiếp cận các nhân tố văn hóa, chính sách mới?

Ngoài ra, đoàn hệ hôn nhân cũng có mối liên quan với chủ thể quyết định hôn nhân. Trong giai đoạn 1960-1964, tỉ lệ bố mẹ quyết định là chính

Bảng 4. Quyền quyết định hôn nhân phân theo học vấn người trả lời (%)

| Người quyết định kết hôn | Học vấn người trả lời*** | | | Chung |
|-----------------------------|--------------------------|------------------|------------|---------------|
| | Từ lớp 4 trở xuống | Từ lớp 5 – lớp 7 | Trên lớp 7 | |
| Bố mẹ quyết định là chính | 34,5 | 16,9 | 7,3 | 20,8 (83) |
| Con cái quyết định là chính | 65,5 | 83,1 | 92,7 | 79,2 (317) |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |
| | 110 | 249 | 41 | 400 |

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1 ** p< 0,05 *** p<0,001

Bảng 5. Quyền quyết định hôn nhân phân theo nghề nghiệp người trả lời (%)

| Người quyết định kết hôn | Nghề nghiệp người trả lời*** | | Chung |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------|--------------|
| | Nông nghiệp | Phi nông nghiệp | |
| Bố mẹ quyết định là chính | 24,3 | 11,6 | (20,8) |
| | | | 83 |
| Con cái quyết định là chính | 75,7 | 88,4 | (79,2) |
| | | | 317 |
| Tổng | 100 (288) | 100 (112) | 100 (400) |

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1 ** p< 0,05 *** p<0,001

cao hơn gấp đôi so với giai đoạn 1970-1975 (38,7% so với 14,8%) (Bảng 6). Điều này nảy sinh một nghịch lý nhỏ so với phân tích phía trên. Nếu như dựa trên đoàn hệ hôn nhân, tỉ lệ tự tìm hiểu ở giai đoạn 1960-1964 cao hơn hẳn 1970-1975 thì khi bước đến hôn nhân, thì tỉ lệ con cái quyết định là chính lại tăng theo thời gian.

Một số nghiên cứu đi trước đã chỉ ra yếu tố mới xuất hiện trong giai đoạn này chính là vai trò tập thể. Trong giai đoạn 1960-1975, vai trò của chính quyền đoàn thể được in dấu ấn vào cả tiến trình của mỗi cuộc hôn nhân (Mai Văn Hai, 2003; Khuất Thị Thu Hồng, 1996). Đối với nhóm thanh niên ngoài biên chế nhà nước, dù sinh sống ở đô thị hay nông thôn, khi lựa chọn bạn đời, mỗi người đều phải báo cáo với chi bộ hay chi đoàn nơi mình đang sinh hoạt. Với nhóm thanh niên là bộ đội hay công nhân, viên chức, yêu cầu đó càng chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, kết quả điều tra tại địa bàn khảo sát lại cho thấy một kết quả ngược lại. Có 84,5% người trả lời cho biết không phải báo cáo với tổ chức (cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ

Bảng 6. Quyền quyết định hôn nhân phân theo nghề nghiệp người trả lời (%)

| Người quyết định kết hôn | Giai đoạn kết hôn của người trả lời*** | | | Chung |
|-----------------------------|--|--------------|--------------|---------------|
| | Từ 1960-1964 | Từ 1965-1969 | Từ 1970-1975 | |
| Bố mẹ quyết định là chính | 38,7 | 23,5 | 14,8 | 20,8 (83) |
| Con cái quyết định là chính | 61,3 | 76,5 | 85,2 | 79,2 (317) |
| Tổng | 100 (75) | 100 (68) | 100 (257) | 100 (400) |

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1 ** p< 0,05 *** p<0,001

34 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 28, số 1, tr. 27-34

chức đảng, hợp tác xã.v.v), và chỉ có 0,7% cho rằng sự chấp thuận của cơ quan đoàn thể, tổ chức là yếu tố quan trọng nhất dẫn đến hôn nhân. Có thể thấy, vai trò của mạng lưới xã hội mới như tổ chức chính quyền, đoàn thể không có những tác động mạnh mẽ lên tư tưởng của người dân lúc bấy giờ. Kết quả này có phần đi ngược lại với kết quả của một số cuộc nghiên cứu đi trước. Phải chăng nông thôn Thái Bình giai đoạn 1960-1975 sống nếp sống tự do hơn? Họ đi tìm tình yêu cho hôn nhân, lắng nghe sự đồng thuận của gia đình và ở một khía cạnh nào đó, sự tác động của chính quyền, tổ chức vẫn chưa thực sự chạm vào được cuộc hôn nhân của họ?

4. Kết luận

Có thể thấy, trong giai đoạn 1960-1975, tại nông thôn miền Bắc, cụ thể là ở Thái Bình, quyền lực chi phối của cha mẹ lên hôn nhân của con cái đã giảm bớt, thay vào đó là sự chủ động của thế hệ trẻ trong việc quyết định hôn nhân của mình. Số liệu điều tra cho thấy xu hướng con cái tự tìm hiểu bạn đời cao hơn so với việc sắp xếp giới thiệu, tỉ lệ hôn nhân do con cái quyết định với sự đồng ý của cha mẹ cao hơn tỉ lệ cha mẹ quyết định cho con cái. Tuy nhiên, chuẩn mực hôn nhân coi hôn nhân là chuyện đại sự của toàn gia đình vẫn khẳng định vai trò của cha mẹ ở một chừng mực mới, đó là tham gia mà không phải quyết định.■

Tài liệu trích dẫn

- Khuất Thu Hồng, 1996. *Gia đình truyền thống một số tư liệu nghiên cứu Xã hội học*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Mai Văn Hai, Ngô Ngọc Thắng. 2003. “Về sự biến đổi mô hình phong tục hôn nhân ở chúa thổ sông Hồng qua mấy thập niên gần đây”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2(82).
- Ngô Thị Thanh Quý. 2014. “Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở một làng đồng bằng sông Hồng trong 75 năm qua”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 4.
- Nguyễn Đức Chiện. 2008. “Chuyển đổi mẫu hình kết hôn của người Việt ở đồng bằng sông Hồng qua một số nghiên cứu xã hội học gần đây”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 1.
- Nguyễn Hữu Minh. 1999. “Quyền tự do lựa chọn bạn đời ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng: truyền thống và biến đổi”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 1(65).